

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **58/2017/DS-ST**

Ngày: 28/8/2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bích Vân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thanh Đạm**

2. Ông **Dương Sơn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Tùng** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:* Ông **Đỗ Anh Núi** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2016/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trương Thị B** – sinh năm 1969 (có mặt)

Chỗ ở hiện nay: Tổ 05, Khu phố L, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

HKTT: Tổ 12, ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* 1/ **Phan Ngọc L** – sinh năm 1975 (vắng mặt và có văn bản ủy quyền)

2/ **Trần Thị T** – sinh năm 1972 (có mặt)

- Đại diện theo ủy quyền của ông Phan Ngọc L là bà Trần Thị T (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2017).

Đồng trú tại: Số nhà 32 N, khu phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày và yêu cầu như sau: Từ năm 2000 bà có bán thịt heo cho bà T để bán cơm buổi sáng, trong quá trình mua bán bà T có nợ bà số tiền tính đến ngày 12/02/2012 là 4.200.000đ. Sau đó bà có đến nhà đòi tiền nhưng bà T, ông L không trả nợ. Thời gian sau bà tiếp tục bán thịt heo cho bà T và tính đến

nay bà T còn nợ lại số tiền 6.847.000đ. Sau đó ông L có hứa sẽ trả nợ cho bà mỗi tháng 200.000đ và trả được 02 lần là 400.000đ thì không trả nợ nữa, mỗi lần ông L trả nợ đều có ký tên xác nhận vào sổ. Đến khoảng tháng 7-8/2015 thì hai bên không còn mua bán với nhau nữa.

Nay bà yêu cầu ông L bà T trả cho bà một lần hết số nợ là 6.847.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà thừa nhận có mua thịt heo của bà Trương Thị B, quá trình mua bán không liên tục, đến khoảng đầu năm 2008 thì bà mua thịt heo của bà Út N chứ không có mua thịt heo của bà B, nhưng bà B có kêu bà lấy thịt heo để bán thì bà có lấy hai lần là 04kg và nợ lại số tiền là 100.000đ nhưng bà B lại đòi nợ với số tiền là 250.000đ, hai bên có cự cãi nhau do lúc đó bà mới chuyển vào nhà mới không muốn có chuyện xảy ra nên bà cũng thừa nhận số nợ này.

Sau đó thì bà nghỉ bán, đến khoảng năm 2010 - 2011 bà có nhận nấu cơm bán cho nhà máy gạch và mua thịt heo của bà Út N khoảng gần 02 năm thì ngưng không còn bán cơm nữa. Khoảng năm 2012, bà lại tiếp tục bán cơm, do bà B kêu mua nên bà tiếp tục mua thịt heo của bà B mỗi cử 04kg x 80.000đ = 320.000đ, mua trả tiền đầy đủ chỉ có thiếu 01 cử thịt gói đầu lại với số tiền là 320.000đ và 01 cử thịt lúc bà B về Bắc số tiền là 320.000đ.

Khi bà B về Bắc thì con rể bà B có giao 01 cử thịt và còn nợ lại số tiền là 320.000đ. Sau khi bà B từ Bắc về thì có mua thịt heo của bà B và trả tiền trong ngày, đến khi giữa bà và bà B có cự cãi nhau về việc số tiền của 03kg thịt là 240.000đ (bà trả rồi nhưng bà B nói chưa trả nên bà cũng chấp nhận nợ số tiền này) do vậy chồng bà không cho mua thịt heo của bà B nữa. Lúc này chồng bà có hứa trả nợ cho bà B mỗi tháng 200.000đ và có trả được 02 lần, thời điểm này bà còn nợ bà B khoảng 1.400.000đ.

Thời gian sau, do bị bế nợ nên bà bỏ đi hơn 02 tháng thì trở về và tiếp tục bán cơm, bà B yêu cầu bà trả tiền nợ và kêu lấy thịt bán để có tiền trả góp nên bà cũng đồng ý, do buôn bán không được nên bà còn thiếu lại bà B số tiền là 452.000đ (tiền 02 cử thịt là 350.000đ và 01 cái giò heo 102.000đ).

Đến khoảng tháng 7-8/2015 bà không còn bán cơm nữa nên hai bên đã ngưng việc mua bán với nhau. Tổng số tiền còn nợ là 1.902.000đ, ông L có trả được số tiền 400.000đ nên còn nợ lại 1.502.000đ.

Nay bà đồng ý trả số tiền 1.502.000đ cho bà B và trả nợ trong thời hạn 03 tháng.

Bị đơn ông Phan Ngọc L trình bày: Ông có biết việc bà T có mua thịt heo và còn thiếu tiền bà B. Khi hai bên có cự cãi nhau việc trả tiền nên ông không cho vợ ông mua thịt heo của bà B nữa, lúc này vợ ông còn nợ bà B tiền cũ và tiền mới khoảng 2.000.000đ (ông không rõ số tiền cụ thể). Sau mỗi lần cự cãi thì phía bà B có kêu vợ ông tiếp tục mua thịt heo để bán và cho bà T trả góp.

Sau đó ông có trả cho bà B được 02 lần tiền, mỗi lần 200.000đ, chứ ông không biết là bà Thúy còn nợ bà B bao nhiêu tiền, mỗi lần trả thì ông có ký vào sổ của bà

B. Việc mua thiếu chỉ vài ngày là bà B đến nhà đòi và cự cãi nên không có thiếu nhiều.

Ông thống nhất với ý kiến của vợ ông là bà Trần Thị T, ông thừa nhận còn nợ tiền mua thịt heo là 1.502.000đ. Ông đồng ý trả cho bà B số tiền 1.502.000đ và trả trong thời hạn 03 tháng.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên toà là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Tuy nhiên, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là còn chậm theo quy định; Về nội dung vụ án: Xác định quan hệ pháp luật là đúng, đồng thời đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đối với số tiền 1.502.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật đây là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và giao dịch đã được thực hiện xong vào năm 2015 nhưng đến nay mới có tranh chấp nên cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Xét yêu cầu của bà Trương Thị B yêu cầu bà Trần Thị T và ông Phan Ngọc L trả số tiền nợ mua thịt heo là 6.847.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn đồng), thấy rằng: Trong quá trình mua bán thì bà B tự mình ghi chép vào sổ, không có đối chiếu xác nhận số tiền nợ với nhau, đối với các giấy nhật ký ghi việc mua bán do bà B cung cấp, không có chữ ký xác nhận cũng như không được bà T chấp nhận, việc ghi chép không thể hiện rõ ràng, không có đủ cơ sở để xác định số tiền ông L và bà T còn nợ cụ thể là bao nhiêu, nên không có đủ căn cứ xem xét. Tuy nhiên, phía bà T, ông L thừa nhận còn nợ bà B số tiền 1.502.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B, buộc bà T trả cho bà B số tiền 1.502.000đ và không chấp nhận một phần yêu cầu của bà B đối với số tiền 5.345.000đ. Đồng thời ông L phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới với bà T trả cho bà B số tiền 1.502.000đ theo quy định tại điều 298 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét yêu cầu của bà T, ông L xin được trả dần số nợ trong thời hạn 03 tháng là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ phía bà B không đồng ý. Mặt khác, Bộ luật dân sự không quy định về thời gian trả chậm nếu các bên đương sự không thoả thuận được.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà T, ông L bị buộc trả số tiền 1.502.000đ nên phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000đ. Bà B không được chấp nhận yêu cầu đối với số tiền 5.345.000đ nên phải chịu án phí là 267.250đ.

Vì càu leõ treân;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các điều 428, 438 và 298 Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Xử buộc: Bà Trần Thanh T và ông Phan Ngọc L phải có nghĩa vụ trả cho

bà Trương Thị B số tiền là 1.502.000đ (Một triệu năm trăm lẻ hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị B đối với số tiền 5.345.000đ.

2. Về án phí: Áp dụng các điều 128 và 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

- Buộc bà Trần Thanh T và ông Phan Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ.

- Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 267.250đ và được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền là 200.000đ theo lai thu số 07605 ngày 09/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, theo đó bà B còn phải nộp thêm số tiền là 67.250đ.

3. Báo cho bà B, bà T và ông L được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2017).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Vân